



Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0101311837

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 ngày 31 tháng 7 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phương

Chủ tịch (từ ngày 29/7/2015)

Thành viên (từ ngày 27/7/2015

đến ngày 29/7/2015)

Ông Đinh Tiến Nhung

Chủ tịch (đến ngày 29/7/2015)

Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh

Thành viên (từ ngày 27/7/2015)

Ông Nguyễn Hoài Anh

Thành viên (từ ngày 28/7/2015)

Ông Lê Quang Đức

Thành viên (từ ngày 28/7/2015)

Bà Đái Ngân Hà

Thành viên (đến ngày 27/7/2015)

Ông Nguyễn Lưu Thụy

Thành viên (đến ngày 27/7/2015)

Ông Vũ Quý Hà

Thành viên (đến ngày 28/7/2015)

Ông Nguyễn Nam Hải

Thành viên (đến ngày 28/7/2015)

Ban Giám đốc

Ông Đinh Tiến Nhung

Tổng Giám đốc (từ ngày 29/7/2015)

Ông Nguyễn Nam Hải

Tổng Giám đốc (đến ngày 29/7/2015)

Ông Phạm Thế Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Việt Bằng

Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Diệu Hằng

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

249 Đường Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Báo cáo của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Lãnh đạo

Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận soát xét chấp nhận toàn phần với một vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến lợi nhuận tạm xác định từ hợp đồng liên danh Dự án 310 Minh Khai lần lượt trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2015 và báo cáo soát xét ngày 19 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-197-a



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 932.909.490.311 | 953.179.094.795 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 144.162.625.052 | 178.611.379.217 |
| Tiền | 111 | | 11.162.625.052 | 18.331.379.217 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 133.000.000.000 | 160.280.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6(a) | 85.000.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 85.000.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 222.749.875.736 | 271.479.847.720 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 133.889.031.201 | 132.205.238.666 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 45.127.235.436 | 59.734.272.588 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 13.000.000.000 | 13.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 59.988.978.330 | 95.346.792.476 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (29.255.369.231) | (28.806.456.010) |
| Hàng tồn kho | 140 | 10 | 472.341.104.928 | 497.479.904.418 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 476.205.638.275 | 497.522.897.387 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (3.864.533.347) | (42.992.969) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.655.884.595 | 5.607.963.440 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 304.796.395 | 84.553.553 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 18(a) | 8.351.088.200 | 5.523.409.887 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 341.109.483.260 | 343.195.211.977 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 83.722.640 | 83.722.640 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 83.722.640 | 83.722.640 |
| Tài sản cố định | 220 | | 30.484.564.252 | 31.879.317.451 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 26.938.666.047 | 28.273.910.302 |
| Nguyên giá | 222 | | 78.177.825.242 | 77.793.930.331 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (51.239.159.195) | (49.520.020.029) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 3.545.898.205 | 3.605.407.149 |
| Nguyên giá | 228 | | 4.690.894.383 | 4.690.894.383 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.144.996.178) | (1.085.487.234) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 13 | 62.276.275.724 | 63.963.348.724 |
| Nguyên giá | 231 | | 93.874.132.392 | 93.874.132.392 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (31.597.856.668) | (29.910.783.668) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 219.056.180.325 | 217.335.235.576 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | 14 | 217.490.782.189 | 215.769.837.440 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 15 | 1.565.398.136 | 1.565.398.136 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6(b) | 25.710.259.528 | 25.710.259.528 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 35.769.176.000 | 35.769.176.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (10.358.916.472) | (10.358.916.472) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.498.480.791 | 4.223.328.058 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 3.498.480.791 | 4.223.328.058 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.274.018.973.571 | 1.296.374.306.772 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--------------------------------------|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 1.069.019.171.050 | 1.083.697.625.823 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 790.998.185.714 | 795.908.085.420 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 15.349.847.026 | 40.398.104.096 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 708.265.937.261 | 681.568.899.597 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 18(b) | 2.446.503.557 | 8.329.704.991 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 1.640.253.823 | 7.032.319.323 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 13.261.134.643 | 17.146.779.055 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 20(a) | 3.183.090.000 | 3.183.090.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 21(a) | 43.004.375.630 | 35.133.357.584 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 22 | 3.847.043.774 | 3.115.830.774 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 278.020.985.336 | 287.789.540.403 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | 17 | 63.138.905.467 | 81.373.083.879 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 154.153.506.598 | 150.365.563.273 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 20(b) | 48.149.789.546 | 49.741.334.546 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 21(b) | 12.086.900.000 | 5.310.000.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 491.883.725 | 999.558.705 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 204.999.802.521 | 212.676.680.949 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 23 | 204.999.802.521 | 212.676.680.949 |
| Vốn cổ phần | 411 | 24 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 54.018.600.532 | 54.018.600.532 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 24 | (2.395.834.172) | (2.395.834.172) |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 418 | 26 | 61.571.884.861 | 61.571.884.861 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 26 | 56.608.219 | 88.108.219 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 11.748.543.081 | 19.393.921.509 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 3.717.221.509 | 1.841.174.810 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 8.031.321.572 | 17.552.746.699 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.274.018.973.571 | 1.296.374.306.772 |

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Cao Khả
Người lập biểu

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 28 | 206.132.505.683 | 206.844.128.747 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 29 | 191.346.890.940 | 185.121.787.361 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 14.785.614.743 | 21.722.341.386 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 3.800.609.528 | 719.981.141 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | 2.258.676.391 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | 2.258.676.391 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 922.796.440 | 842.592.216 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 31 | 8.413.520.253 | 10.313.615.333 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 9.249.907.578 | 9.027.438.587 |
| Thu nhập khác | 31 | | 1.052.600.056 | 671.176.409 |
| Chi phí khác | 32 | | 5.941.516 | 137.636.513 |
| Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 1.046.658.540 | 533.539.896 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 10.296.566.118 | 9.560.978.483 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 33 | 2.265.244.546 | 2.011.015.266 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 8.031.321.572 | 7.549.963.217 |

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Lê Cao Khả
Người lập biểu

Người duyệt:

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng
Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 10.296.566.118 | 9.560.978.483 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 3.927.420.744 | 3.929.626.033 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 4.270.453.599 | 5.165.438.606 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (4.120.477.710) | (1.219.554.830) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | - | 2.258.676.391 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 14.373.962.751 | 19.695.164.683 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 46.513.295.338 | (31.024.260.919) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 19.596.314.363 | 15.585.523.726 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (24.142.549.266) | 247.603.126.016 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 504.604.425 | (1.684.876.023) |
| | | | 56.845.627.611 | 250.174.677.483 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (46.887.289) | (8.366.005.570) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (4.878.500.784) | (4.324.566.202) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (3.583.961.980) | (1.425.273.650) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 48.336.277.558 | 236.058.832.061 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định | 21 | | (845.594.545) | (296.638.000) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | | 319.868.182 | 300.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 23 | | (85.000.000.000) | - |
| Tiền thu lãi lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức | 27 | | 2.740.694.640 | 775.159.276 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (82.785.031.723) | 778.521.276 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|-----------|-------------|--|------------------|
| | | | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | - 7.093.819.350 | |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - (211.427.606.867) | |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | - (3.858.149.450) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - (208.191.936.967) | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (34.448.754.165) 28.645.416.370 | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5 | 178.611.379.217 3.705.575.271 | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) | 70 | 5 | 144.162.625.052 32.350.991.641 | |

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Lê Cao Khả
Người lập biểu

Người duyệt:

Nguyễn Văn Hiếu
Kê toán trưởng



Nguyễn Thanh Phương
Chu tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Văn phòng Công ty và đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế 110KV;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống, công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Xây dựng và kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch;
- Lắp đặt các loại kết cấu bê tông, cấu kiện thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang máy, điều hoà, thông gió, phòng cháy, chữa cháy, cấp thoát nước);
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, ngói, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dung trong xây dựng, sản xuất đồ gỗ hàng tiêu dùng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư; và
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa bảo dưỡng xe máy, kinh doanh thiết bị xây dựng và kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ hàng nông lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 725 nhân viên (1/1/2015: 1.414 nhân viên).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)); và
- Khấu hao của bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá (Thuyết minh 4(h)).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Lãnh đạo Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của dự án bất động sản được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dự án bất động sản, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Giá gốc của các nhóm hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 10 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 22 – 30 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được kế toán tương tự như đối với bất động sản đầu tư cho thuê. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được tiếp tục trích khấu hao nữa. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tồn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận chưa hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Doanh thu từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng****kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến công ty mẹ (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), công ty con của Công ty và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|----------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 829.168.708 | 1.117.908.255 |
| Tiền gửi ngân hàng | 10.333.456.344 | 17.213.470.962 |
| Các khoản tương đương tiền | 133.000.000.000 | 160.280.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 144.162.625.052 | 178.611.379.217 |

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|--------------------|------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 | - | - |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 30/6/2015 | | | | | |
|---|----------------------|----------|-----------------------|----------------|-----------------|-----------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư góp vốn vào: | | | | | | |
| Công ty con | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác chợ B.O.T | - | 100% | 100% | 300.000.000 | - | (*) |
| Đơn vị khác | | | | | | |
| ▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel | 2.000.000 | 2% | 2% | 20.000.000.000 | - | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 850.000 | 9,1% | 9,1% | 9.775.000.000 | 8.575.000.000 | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tỉnh Vinaconex | 350.000 | 10,94% | 10,94% | 3.500.000.000 | - | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình | 250.000 | 0,94% | 0,94% | 2.494.176.000 | 1.783.916.472 | (*) |
| | | | | 35.769.176.000 | 10.358.916.472 | |
| | | | | 36.069.176.000 | 10.358.916.472 | |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Địa chỉ | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | 1/1/2015 | | Giá trị hợp lý VND |
|---|---------|----------------------|----------|-----------------------|----------------|-----------------|-----------------------|
| | | | | | Giá gốc VND | Dự phòng VND | |
| Đầu tư góp vốn vào: | | | | | | | |
| Công ty con | | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác chợ B.O.T | Hà Nội | - | 100% | 100% | 300.000.000 | - | (*) |
| Đơn vị khác | | | | | | | |
| ▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel | Yên Bái | 2.000.000 | 2% | 2% | 20.000.000.000 | - | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | Hà Nội | 850.000 | 9,1% | 9,1% | 9.775.000.000 | 8.575.000.000 | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tỉnh Vinaconex | Hà Nội | 350.000 | 10,94% | 10,94% | 3.500.000.000 | - | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình | Hà Nội | 250.000 | 0,94% | 0,94% | 2.494.176.000 | 1.783.916.472 | (*) |
| | | | | | 35.769.176.000 | 10.358.916.472 | |
| | | | | | 36.069.176.000 | 10.358.916.472 | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|-----------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Sở Xây dựng Thái Bình | 24.369.371.800 | 24.369.371.800 |
| Các khách hàng khác | 109.519.659.401 | 107.835.866.866 |
| | 133.889.031.201 | 132.205.238.666 |

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|----------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 133.889.031.201 | 132.205.238.666 |

(c) Phải thu của khách hàng là công ty liên quan

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | 2.107.928.365 | 2.107.928.365 |

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và hạn hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|---|------------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Mai Động (i) | 11.198.454.622 | 11.198.454.622 |
| • <i>Tạm ứng lợi nhuận từ hoạt động liên danh</i> | 24.550.000.000 | 24.550.000.000 |
| • <i>Lãi cho vay</i> | 4.561.658.000 | 4.561.658.000 |
| • <i>Di dời cơ sở sản xuất, giải phóng mặt bằng</i> | | |
| • <i>Dự án 310 Minh Khai</i> | 19.379.905.000 | 19.379.905.000 |
| • <i>Phải thu khác</i> | 11.272.561.000 | 11.272.561.000 |
| • <i>Bù trừ lợi nhuận phải trả từ Tòa nhà 21 tầng – Dự án Minh Khai</i> | (29.484.420.264) | (29.484.420.264) |
| • <i>Bù trừ lợi nhuận phải trả từ Tòa nhà 15T1 và 15T2 – Dự án Minh Khai (ii)</i> | (19.081.249.114) | (19.081.249.114) |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC (i) | 2.930.472.638 | 2.930.472.638 |
| • <i>Tạm ứng lợi nhuận từ hoạt động liên danh</i> | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| • <i>Bù trừ lợi nhuận phải trả từ Tòa nhà 15T1 và 15T2 – Dự án Minh Khai (ii)</i> | (7.069.527.362) | (7.069.527.362) |
| Lãi tiền gửi | 1.518.249.999 | 458.335.111 |
| Phải thu các đội xây dựng (iii) | 43.829.821.209 | 80.618.416.400 |
| Phải thu khác | 511.979.862 | 141.113.705 |
| | 59.988.978.330 | 95.346.792.476 |

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Mai Động và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC là các bên liên danh với Công ty để thực hiện Dự án 310 Minh Khai. Căn cứ Hợp đồng liên danh số 135LD/CT3 ngày 20 tháng 9 năm 2008 giữa Công ty TNHH Một thành viên Mai Động và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC với Công ty, các bên tham gia góp vốn để cùng thực hiện Dự án 310 Minh Khai, Thành phố Hà Nội. Ba bên thỏa thuận việc phân chia lợi nhuận hoặc rủi ro thông qua việc thực hiện hợp đồng như sau: Công ty TNHH Một thành viên Mai Động: 40%; Công ty Cổ phần Xây dựng số 3: 45% và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC: 15%.
- (ii) Bù trừ với phần lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Mai Động và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư – Xây dựng HJC sau khi bán 168 căn hộ của Tòa nhà 15T2 và 145 căn hộ của Tòa nhà 15T1 thuộc Dự án 310 Minh Khai.
- (iii) Phải thu các đội xây dựng là các khoản ứng trước cho các Chủ nhiệm công trình của Công ty dựa trên hợp đồng giao khoán ký giữa Chủ nhiệm và Công ty, liên quan đến các công trình xây dựng do Công ty là nhà thầu thực hiện. Các khoản phải thu này sẽ được chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khi các chi phí phát sinh có đủ chứng từ hợp lệ và được Công ty phê duyệt.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

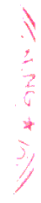
| | 30/6/2015 | | | 1/1/2015 | | | | |
|--------------------------|------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Sở Xây Dựng Thái Bình | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 24.369.371.800 | - | 24.369.371.800 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | - | - | - |
| Nhóm 1 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 16.193.341.896 | - | 16.193.341.896 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | - | - | - |
| Nhóm 2 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 5.653.729.617 | - | 5.653.729.617 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 21.390.126.864 | - | 21.390.126.864 |
| Nhóm 3 | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 16.739.695.532 | 2.063.471.066 | 14.676.224.466 | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 3.624.144.956 | 2.950.863.307 | 673.281.649 |
| Nhóm 4 | Trên 3 năm | 36.162.255.026 | 27.191.898.165 | 8.970.356.861 | Trên 3 năm | 33.015.609.990 | 28.549.063.165 | 6.768.357.367 |
| | | 99.118.393.871 | 29.255.369.231 | 69.863.024.640 | | 58.029.881.810 | 28.806.456.010 | 29.223.425.800 |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi
– ngắn hạn

29.255.369.231

28.806.456.010



Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 5.660.492.067 | - | 5.865.776.644 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 170.050.318 | - | 176.828.318 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 469.645.419.777 | 3.821.540.378 | 489.583.999.593 | - |
| Thành phẩm | 729.676.113 | 42.992.969 | 1.896.292.832 | 42.992.969 |
| | 476.205.638.275 | 3.864.533.347 | 497.522.897.387 | 42.992.969 |

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 325 triệu VND thành phẩm và 3.822 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1/1/2015: 325 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa VND | Máy móc và thiết bị VND | Dụng cụ văn phòng VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|----------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 20.092.415.650 | 27.793.956.046 | 729.228.617 | 29.178.330.018 | 77.793.930.331 |
| Tăng trong kỳ | - | 845.594.545 | - | - | 845.594.545 |
| Thanh lý | - | (461.699.634) | - | - | (461.699.634) |
| Số dư cuối kỳ | 20.092.415.650 | 28.177.850.957 | 729.228.617 | 29.178.330.018 | 78.177.825.242 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 7.999.542.980 | 21.129.476.142 | 634.613.530 | 19.756.387.377 | 49.520.020.029 |
| Khấu hao trong kỳ | 434.582.890 | 660.861.624 | 22.184.000 | 1.063.210.286 | 2.180.838.800 |
| Thanh lý | - | (461.699.634) | - | - | (461.699.634) |
| Số dư cuối kỳ | 8.434.125.870 | 21.328.638.132 | 656.797.530 | 20.819.597.663 | 51.239.159.195 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 12.092.872.670 | 6.664.479.904 | 94.615.087 | 9.421.942.641 | 28.273.910.302 |
| Số dư cuối kỳ | 11.658.289.780 | 6.849.212.825 | 72.431.087 | 8.358.732.355 | 26.938.666.047 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 20.704 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 18.756 triệu VND).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Thương hiệu Vinaconex VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ | 4.375.894.383 | 315.000.000 | 4.690.894.383 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 793.019.234 | 292.468.000 | 1.085.487.234 |
| Khấu hao trong kỳ | 43.758.944 | 15.750.000 | 59.508.944 |
| Số dư cuối kỳ | 836.778.178 | 308.218.000 | 1.144.996.178 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu kỳ | 3.582.875.149 | 22.532.000 | 3.605.407.149 |
| Số dư cuối kỳ | 3.539.116.205 | 6.782.000 | 3.545.898.205 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Bất động sản đầu tư cho thuê (a) | 55.034.137.724 | 56.721.210.724 |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b) | 7.242.138.000 | 7.242.138.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 62.276.275.724 | 63.963.348.724 |

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Nhà cửa |
|-------------------------------|----------------|
| | VND |
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ | 86.631.994.392 |
| | <hr/> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu kỳ | 29.910.783.668 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.687.073.000 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 31.597.856.668 |
| | <hr/> |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu kỳ | 56.721.210.724 |
| Số dư cuối kỳ | 55.034.137.724 |

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là cơ sở hạ tầng tại chợ Thương (Bắc Giang), chợ Phương Lâm (Hòa Bình) và chợ Bo (Thái Bình).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là giá trị thừa đất tại ô số 57 Lô C Khu đô thị Đại Kim, Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chờ tăng giá không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|---------------------------------|-----------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Dự án Minh Cầu – Thái Nguyên | 150.803.693.952 | 150.803.693.952 | 149.290.467.868 | 149.290.467.868 |
| Dự án Đường Trung Văn | 66.687.088.237 | 66.687.088.237 | 66.479.369.572 | 66.479.369.572 |
| | 217.490.782.189 | 217.490.782.189 | 215.769.837.440 | 215.769.837.440 |

15. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------|-----------------------------------|------------------|
| | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND |
| Số dư đầu kỳ | 1.565.398.136 | 2.454.745.333 |
| Xóa sổ | - | (889.347.197) |
| Số dư cuối kỳ | 1.565.398.136 | 1.565.398.136 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|------------------------------|------------------|-----------------|
| Dự án Kho Thủy Phương | 1.352.936.500 | 1.352.936.500 |
| Chi phí xây dựng cơ bản khác | 212.461.636 | 212.461.636 |
| | 1.565.398.136 | 1.565.398.136 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND |
|------------------|---------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ | 4.223.328.058 |
| Tăng trong kỳ | 534.164.012 |
| Phân bổ trong kỳ | (1.259.011.279) |
| | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 3.498.480.791 |
| | <hr/> <hr/> |

17. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|----------|---|---|
| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ VND | Giá gốc và số có khả năng trả nợ VND |
| Ngắn hạn | 15.349.847.026 | 40.398.104.096 |
| Dài hạn | 63.138.905.467 | 81.373.083.879 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 78.488.752.493 | 121.771.187.975 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | 1/1/2015 | Số phải nộp | Số đã nộp | 30/6/2015 |
|---|-----------------|--------------------|------------------|------------------|
| | VND | trong kỳ | trong kỳ | VND |
| | | VND | VND | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 156.241.912 | (2.265.244.546) | 4.214.117.131 | 2.105.114.497 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp án định từ các khoản khách hàng trả tiền trước | 5.093.377.625 | - | 664.383.653 | 5.757.761.278 |
| Thuế nhà đất | 273.790.350 | - | 214.422.075 | 488.212.425 |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| | 5.523.409.887 | (2.265.244.546) | 5.092.922.859 | 8.351.088.200 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2015 VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | 30/6/2015 VND |
|-----------------------|-----------------|--------------------------------|------------------------------|------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 7.788.079.401 | 10.480.461.546 | (16.176.499.462) | 2.092.041.485 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 168.926.319 | 113.441.000 | (259.552.400) | 22.814.919 |
| Thuế tài nguyên | 149.899.988 | 273.406.715 | (312.673.767) | 110.632.936 |
| Các loại thuế khác | 222.799.283 | 5.000.000 | (6.785.066) | 221.014.217 |
| | 8.329.704.991 | 10.872.309.261 | (16.755.510.695) | 2.446.503.557 |

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|---|------------------|-----------------|
| Trích trước chi phí công trình 15T2, nhà 21 tầng – Dự án 310 Minh Khai | 11.876.958.225 | 16.872.819.128 |
| Chi phí lãi vay | - | 46.887.289 |
| Chi phí phải trả khác | 1.384.176.418 | 227.072.638 |
| | 13.261.134.643 | 17.146.779.055 |

20. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|------------------|-----------------|
| Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | 3.183.090.000 | 3.183.090.000 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn**

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|--------------------------------|-------------------------------|
| Dự án chợ Phương Lâm (Hoà Bình) | 21.951.512.913 | 22.482.932.413 |
| Dự án chợ Thương (Bắc Giang) | 19.375.035.069 | 19.938.187.569 |
| Dự án chợ Bo (Thái Bình) | 10.006.331.564 | 10.503.304.564 |
| | 51.332.879.546 | 52.924.424.546 |
| Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | (3.183.090.000) | (3.183.090.000) |
| Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng | 48.149.789.546 | 49.741.334.546 |

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu phát sinh từ tiền nhận trước về cho thuê các ki-ốt của Công ty tại chợ Phương Lâm, chợ Thương và chợ Bo.

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| Kinh phí bảo trì toà nhà CT2 – Dự án 304 Trung Văn | 13.161.382.033 | 12.683.555.235 |
| Kinh phí bảo trì toà nhà 15T1 và 15T2 – Dự án 310 Minh Khai | 10.460.705.835 | 10.650.634.432 |
| Cổ tức phải trả | 11.901.800.030 | 1.100.030 |
| Phải trả các đội thi công | 2.938.733.806 | 7.504.958.173 |
| Kinh phí công đoàn | 223.390.167 | 150.428.207 |
| Bảo hiểm xã hội | 208.900.011 | 297.500.187 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.109.463.748 | 3.845.181.320 |
| | 43.004.375.630 | 35.133.357.584 |

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 30/6/2015 VND | 1/1/2015 VND |
|--|--------------------------------|-------------------------------|
| Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 12.086.900.000 | 5.310.000.000 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------|-----------------------------------|------------------|
| | 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND |
| Số dư đầu kỳ | 3.115.830.774 | 5.529.136.211 |
| Trích lập trong kỳ | 3.500.000.000 | 1.107.025.563 |
| Sử dụng trong kỳ | (2.768.787.000) | (1.057.144.000) |
| Số dư cuối kỳ | 3.847.043.774 | 5.579.017.774 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------|--------------------------------|---------------------|---------------------------------|----------------------------------|--|------------------------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2014 | 80.000.000.000 | 54.018.600.532 | (2.395.834.172) | 44.614.310.595 | 16.957.574.266 | 126.108.219 | 11.158.000.373 | 204.478.759.813 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | - | - | 7.549.963.217 | 7.549.963.217 |
| Phân bổ vào quỹ | - | - | - | - | - | - | (1.107.025.563) | (1.107.025.563) |
| Khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (7.933.800.000) | (7.933.800.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 25) | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát | - | - | - | - | - | - | (276.000.000) | (276.000.000) |
| Số dư tại ngày 30/6/2014 | 80.000.000.000 | 54.018.600.532 | (2.395.834.172) | 44.614.310.595 | 16.957.574.266 | 126.108.219 | 9.391.138.027 | 202.711.897.467 |
| <i>Số dư tại ngày 1/1/2015 (đã báo cáo trước đây)</i> | 80.000.000.000 | 54.018.600.532 | (2.395.834.172) | 44.614.310.595 | 16.957.574.266 | 88.108.219 | 19.393.921.509 | 212.676.680.949 |
| <i>Phân loại lại (Thuyết minh 36)</i> | - | - | - | 16.957.574.266 | (16.957.574.266) | - | - | - |
| Số dư tại ngày 1/1/2015 -- đã phân loại lại | 80.000.000.000 | 54.018.600.532 | (2.395.834.172) | 61.571.884.861 | - | 88.108.219 | 19.393.921.509 | 212.676.680.949 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | - | - | 8.031.321.572 | 8.031.321.572 |
| Phân bổ vào quỹ | - | - | - | - | - | - | (3.500.000.000) | (3.500.000.000) |
| Khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (11.900.700.000) | (11.900.700.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 25) | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát | - | - | - | - | - | - | (276.000.000) | (276.000.000) |
| Sử dụng các quỹ | - | - | - | - | - | (31.500.000) | - | (31.500.000) |
| Số dư tại ngày 30/6/2015 | 80.000.000.000 | 54.018.600.532 | (2.395.834.172) | 61.571.884.861 | - | 56.608.219 | 11.748.543.081 | 204.999.802.521 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2015 | | 1/1/2015 | |
|----------------------------------|-------------|----------------|-------------|----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 8.000.000 | 80.000.000.000 | 8.000.000 | 80.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 8.000.000 | 80.000.000.000 | 8.000.000 | 80.000.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 66.200 | 2.395.834.172 | 66.200 | 2.395.834.172 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 7.933.800 | 79.338.000.000 | 7.933.800 | 79.338.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 11.901 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 7.934 triệu VND).

26. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm sử dụng cho mục đích đào tạo của Công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

| | 30/6/2015 | 1/1/2015 |
|----------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 636.121.965 | 174.050.590 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 2.544.487.860 | 696.202.360 |
| Sau năm năm | 16.447.860.278 | 2.862.676.745 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 19.628.470.103 | 3.732.929.695 |
| | <hr/> | <hr/> |

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------|--|------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| Kinh doanh bất động sản | 115.497.581.199 | 151.162.105.806 |
| Hợp đồng xây dựng | 62.336.446.028 | 28.744.239.835 |
| Bán hàng hoá | 22.143.035.556 | 16.311.030.013 |
| Cung cấp dịch vụ | 6.155.442.900 | 10.626.753.093 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 206.132.505.683 | 206.844.128.747 |
| | <hr/> | <hr/> |

29. Giá vốn hàng bán

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------|--|------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| Bất động sản đã bán | 99.190.075.993 | 133.926.282.267 |
| Hợp đồng xây dựng | 60.373.642.992 | 27.252.143.192 |
| Hàng hoá đã bán | 21.255.446.621 | 14.660.855.282 |
| Cung cấp dịch vụ | 6.706.184.956 | 9.282.506.620 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 3.821.540.378 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 191.346.890.940 | 185.121.787.361 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------|--|------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 3.800.609.528 | 299.981.141 |
| Cổ tức được chia | - | 420.000.000 |
| | 3.800.609.528 | 719.981.141 |

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-----------------------------------|--|------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 5.352.265.463 | 4.589.381.053 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 115.373.059 | 122.711.273 |
| Chi phí khấu hao | 478.615.536 | 585.621.883 |
| Thuế, phí và lệ phí | 228.412.981 | 240.015.494 |
| Chi phí dự phòng | 448.913.221 | 3.882.334.826 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 244.613.216 | 350.528.607 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.545.326.777 | 543.022.197 |
| | 8.413.520.253 | 10.313.615.333 |

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|--|------------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 99.259.153.441 | 101.750.625.429 |
| Chi phí nhân công | 37.339.489.501 | 21.326.238.597 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.927.420.744 | 3.929.626.033 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.513.679.206 | 1.592.065.474 |
| Chi phí bằng tiền khác | 25.030.720.345 | 7.526.981.118 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Kỳ hiện hành | 2.265.244.546 | 2.011.015.266 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | 30/6/2015 | 30/6/2014 |
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 10.296.566.118 | 9.560.978.483 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 2.265.244.546 | 2.103.415.266 |
| Thu nhập không bị tính thuế | - | (92.400.000) |
| | 2.265.244.546 | 2.011.015.266 |

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|---|------------------|
| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND | 30/6/2014 VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam Chi trả cổ tức | - | 2.040.000.000 |
| Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel Lãi vay | - | 1.051.801.168 |
| Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex Cổ tức | - | 420.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới Mua hàng | 160.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác chợ B.O.T Phí quản lý phải trả | 950.004.000 | 922.500.000 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị Tiền lương và thưởng | 369.610.000 | 307.972.000 |
| Ban Giám đốc Tiền lương và thưởng | 793.045.000 | 568.375.000 |

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Thay đổi chủ sở hữu

Căn cứ theo Công văn số 2042/UBCK-PTTT ngày 27 tháng 4 năm 2015 và Thông báo của Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 24 tháng 7 năm 2015, quyền sở hữu 4.080.000 cổ phiếu VC3 loại chứng khoán tự do chuyển nhượng đã được chuyển nhượng từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam sang các cổ đông khác bao gồm Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Bất động sản An Phát (1.920.000 cổ phiếu), ông Nguyễn Thanh Phương (1.360.000 cổ phiếu) và ông Nguyễn Hoài Anh (800.000 cổ phiếu). Theo đó, những thay đổi nhân sự trọng yếu diễn ra sau ngày lập báo cáo như sau:

- Ngày 27 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Nguyễn Lưu Thụy và bà Đái Ngân Hà, bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Phương và ông Nguyễn Ngọc Quỳnh làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Ngày 28 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Vũ Quý Hà và ông Nguyễn Nam Hải, bổ nhiệm ông Nguyễn Hoài Anh và ông Lê Quang Đức làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Ngày 29 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Đinh Tiến Nhượng và bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Phương làm chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Ngày 29 tháng 7 năm 2015: Bãi nhiệm ông Nguyễn Nam Hải và bổ nhiệm ông Đinh Tiến Nhượng làm Tổng Giám đốc. Các thành viên khác của Ban Giám đốc không thay đổi.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Thêm vào đó, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày trong kỳ hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

| | 1/1/2015 (phân loại lại) VND | 1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND |
|---|------------------------------------|--|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 13.000.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 95.346.792.476 | 32.821.753.701 |
| Hàng tồn kho | 497.522.897.387 | 646.813.365.255 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 5.523.409.887 | 430.032.262 |
| Tài sản ngắn hạn khác | - | 80.618.416.400 |
| Phải thu dài hạn khác | 83.722.640 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 215.769.837.440 | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 1.565.398.136 | 68.044.767.708 |
| Tài sản dài hạn khác | - | 83.722.640 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 40.398.104.096 | 38.636.293.257 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 681.568.899.597 | 830.226.475.495 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | - | 1.761.810.839 |
| Vay ngắn hạn | - | 1.707.987.375 |
| Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn | 3.183.090.000 | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 150.365.563.273 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn | 49.741.334.546 | 52.924.424.546 |
| Quỹ dự phòng tài chính | - | 16.957.574.266 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 61.571.884.861 | 44.614.310.595 |

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Lê Cao Khả
Người lập biểu

Người duyệt:

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị